UBND TỈNH LAI CHÂU
TỔ CÔNG TÁC ĐỀ ÁN 06

Số: 20 /TCTĐA06-CAT

V/v thông báo kết quả thực hiện Kế hoạch phát triển công dân số đến hết ngày 08/10/2026 và giải pháp đẩy nhanh tiến độ phấn đấu hoàn thành chỉ tiêu

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Lai Châu, ngày 13 tháng 10 năm 2026

Kính gửi:
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Đảng ủy các xã, phường;
- UBND các xã, phường.

Thực hiện Kế hoạch số 2565/KH-UBND, ngày 09/4/2026 của UBND tỉnh Lai Châu về cao điểm đẩy mạnh phát triển công dân số trên địa bàn tỉnh Lai Châu. Tổ Công tác Đề án 06 tỉnh Lai Châu thông báo kết quả triển khai thực hiện từ ngày 27/9/2026 đến hết ngày 08/10/2026 và đề ra một số giải pháp đẩy nhanh tiến độ phấn đấu hoàn thành chỉ tiêu:

I. KẾT QUẢ TỪ NGÀY 27/9 HẾT NGÀY 08/10/2026

1. Về kích hoạt tài khoản định danh điện tử (ĐDĐT)

Đến nay, toàn tỉnh kích hoạt được 364.748/469.997 tài khoản ĐDĐT mức độ 2, **đạt 77.6%.** Trong kỳ, toàn tỉnh kích hoạt được **7.814** tài khoản ĐDĐT. Trong đó:

- 11 đơn vị có kết quả thực hiện thấp và chậm chuyển biến nhất: Tà Tổng 49.6%; Pa Ủ: 58.9%, Si Lở Lầu: 66.2%; Nậm Sỏ: 71.3%; Dào San: 72.3%; Bum Tở: 72.6%; Nậm Hàng: 72.8% ; Lê Lợi: 72.8%; Tủa Sín Chải: 73.1%; Hồng Thu: 73,7%; Bum Nưa: 74.9%.

- **03 đơn vị cao nhất** *(có kết quả kích hoạt đạt từ 85% trở lên):* Mù Cả: 87.6%; Mường Tè 85.3%, Than Uyên: 85.1%;

2. Về tích hợp giấy tờ trên VNeID

- Tích hợp tài khoản hưởng An sinh xã hội: Toàn tỉnh hiện tích hợp được 43.822/280.364, đạt 15.6% *(**Thấp nhất**: Si Lở Lầu 7.8%; Hồng Thu 8.2%; Dào San: 8.6%; Pắc Ta: 8.8%; Tà Tổng: 8.9%; Khổng Lào: 9.2%; Mường Khoa: 9.6%; Pu Sam Cáp: 9.8%. **Cao nhất**: Tân Phong: 24.7%; Than Uyên: 24.0%).* **Trong kỳ, toàn tỉnh tích hợp được 261 tài khoản.**

- Tích hợp Bảo hiểm Y tế: Toàn tỉnh hiện tích hợp được 133.894/460.212 trường hợp, đạt 29.1% *(**Thấp nhất:** Tủa Sín Chải: 9.5%; Tà Tổng: 9.%, Pu Sam Cáp: 10.0%. **Cao nhất:** Than Uyên 60.6%, Mù Cả: 54.2%; Tân Phong 53.4%).* **Trong kỳ, toàn tỉnh chỉ tích hợp được 1.587 tài khoản.**

- Tích hợp Sổ Bảo hiểm xã hội: Toàn tỉnh tích hợp được 27.651/39.523

trường hợp, đạt 70% (***Thấp nhất:*** *Tà Tổng: 35.7%, Lê Lợi: 51.6%; Pa Ủ: 54.4%).* **Trong kỳ, toàn tỉnh chỉ tích hợp được 321 tài khoản.**

(có Phụ lục kết quả chi tiết các xã, phường gửi kèm)

II. TỒN TẠI, HẠN CHẾ

Bên cạnh những khó khăn, vướng mắc về mặt khách quan, quá trình thực hiện còn có một số tồn tại hạn chế:

- Công tác rà soát, phân loại từng nhóm công dân tại một số địa bàn còn hạn chế, vì vậy chưa đưa ra giải pháp triển khai thực hiện hiệu quả trên địa bàn.

- Công tác tích hợp các loại giấy tờ trên VNeID còn rất chậm nhất là công tác tích hợp tài khoản an sinh xã hội trên VNeID có nguy cơ cao không đạt chỉ tiêu đề ra.

III. GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM TRONG THỜI GIAN TỚI

Ngày 09/7/2026, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 66.22/2026/NQ-CP về phát triển công dân số *(có hiệu lực thi hành từ ngày 15/8/2026 đến hết ngày 28/02/2027)*. Trong đó, Tỉnh Lai Châu đề ra nhiệm vụ phấn đấu đến hết tháng 02/2027: 100% công dân trên địa bàn được cấp tài khoản định danh mức độ 2 và thực hiện tích hợp đầy đủ 05 loại thông tin, giấy tờ cơ bản: [1]Giấy khai sinh trên VNeID; [2]thông tin thẻ ngân hàng/tài khoản thanh toán/ví điện tử/tài khoản tiền di động trên VNeID; [3]tài khoản an sinh xã hội trên VNeID; [4]thông tin số thuê bao di động trên VNeID; [5]Sổ sức khỏe điện tử trên VNeID. Ngoài ra, tích hợp các loại giấy tờ đã được thông báo trên VNeID *(Giấy phép lái xe, Đăng ký xe, Bảo hiểm xã hội, văn bằng chứng chỉ, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, lý lịch tư pháp, Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân; thông tin thuế trên VNeID...)*.

Nhiệm vụ đến 30/10/2026 toàn tỉnh phải kích hoạt tài khoản định danh điện tử cho 85% công dân và tích hợp các loại giấy tờ lên VNeID là nhiệm vụ rất quan trọng, là tiền đề để thực hiện chỉ tiêu theo Nghị quyết số 66.22/2026/NQ-CP của Chính phủ, Tổ Công tác Đề án 06 tỉnh đề nghị các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; UBND cấp xã tập trung triển khai thực hiện một số giải pháp trọng tâm sau:

- Tiếp tục tăng cường xây dựng các tin, bài phóng sự, dịch các tài liệu tuyên truyền ra nhiều thứ tiếng của đồng bào dân tộc… về ý nghĩa, tầm quan trọng của Đề án 06, tiện ích ứng dụng VNeID để tuyên truyền tới toàn thể nhân dân; Khuyến khích người dân, doanh nghiệp sử dụng các sản phẩm, dịch vụ số, nhất là tạo lập danh tính điện tử, cài đặt, sử dụng, thực hiện các dịch vụ công trên ứng dụng VNeID.

- Sở Y tế tiếp tục phối hợp với các cơ quan, đơn vị địa phương đẩy mạnh tuyên truyền, hướng dẫn công dân tích hợp Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế trên

VNeID; Chỉ đạo các cơ sở khám chữa bệnh thực hiện liên thông dữ liệu khám bệnh, chữa bệnh lên Sổ sức khỏe điện tử trên VNeID.

- Bảo hiểm xã hội tỉnh tiếp tục phối hợp với Công an tỉnh và các cơ quan, đơn vị, địa phương đẩy mạnh tuyên truyền, vận động công dân tích hợp BHXH, BHYT lên VNeID. Đảm bảo hoàn thành chỉ tiêu: 100% công dân được tích hợp BHXH trên VNeID.

Đồng chí Chủ tịch UBND cấp xã:

(1) Tổ chức họp bàn tháo gỡ ngay các điểm nghẽn, nhận diện những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện để tìm giải pháp tháo gỡ, quyết tâm hoàn thành chỉ tiêu giao, không làm ảnh hưởng tới tiến độ chung toàn tỉnh.

(2) Chỉ đạo lực lượng Công an cấp xã trích xuất danh sách công dân chưa thu nhận, chưa kích hoạt định danh điện tử trên hệ thống; phân loại theo từng thôn, bản, tổ dân phố. Sau đó chuyển danh sách tới các tổ hướng dẫn công dân kích hoạt tài khoản ĐDĐT và tích hợp các loại giấy tờ trên địa bàn để hướng dẫn công dân kích hoạt. Tranh thủ thời gian tối đa để đẩy nhanh tiến độ, bố trí, sắp xếp cán bộ trực ban hàng ngày tại trụ sở Công an xã, phường bảo đảm thu nhận hồ sơ cấp căn cước, định danh điện tử mức 2 cho công dân.

(3) Giao nhiệm vụ cho Tổ trưởng các Tổ hướng dẫn kích hoạt và tích hợp các loại giấy tờ tiến hành họp thôn, bản, tổ dân phố; căn cứ vào danh sách do lực lượng Công an cấp xã chuyển tiến hành **"Đi từng ngõ, gõ từng nhà, rà từng người", "dễ làm trước, khó làm sau"** để hướng dẫn, hỗ trợ người dân. Đối với những công dân chưa thu nhận hồ sơ phải phối hợp với lực lượng Công an cấp xã sắp xếp lịch thu nhận hồ sơ; mời gọi, hướng dẫn công dân đến thu nhận. Phải rà soát, phân loại từng nhóm công dân cụ thể theo từng danh sách *(nhóm công dân, học sinh từ 6-14 tuổi; nhóm công dân trên 14 tuổi: nhóm học sinh cấp 3, nhóm trên 14 tuổi bỏ học, đi làm ăn xa; nhóm không có Sim điện thoại...)* để có phương án thu nhận, kích hoạt. Trường hợp người già, người không có phương tiện di chuyển phải bố trí phương tiện đưa đón công dân.

(4) Chỉ đạo các cơ sở giáo dục, trường học trên địa bàn phối hợp chặt chẽ với lực lượng Công an cấp xã bố trí thời gian, địa điểm phù hợp theo từng lớp, từng khối để thu nhận hồ sơ tối đa, triệt để đối với nhóm công dân từ 6 - 14 tuổi *(đây là nhóm công dân dễ kích hoạt nhất vì hiện tại C06 đã cập nhật hệ thống để nhóm công dân này sau khi thu nhận sẽ tự động kích hoạt).*

Lưu ý: *Đối với các đơn vị hiện tại đã đạt trên 85% chỉ tiêu phải tiếp tục đẩy mạnh việc thu nhận, kích hoạt tài khoản định danh điện tử, phấn đấu hoàn thành 100% trước thời gian theo Nghị quyết 66.22/NQ-CP.*

Giao Công an tỉnh tiếp tục theo dõi tiến độ triển khai thực hiện, cử đầu mối phối hợp, hướng dẫn cơ sở kịp thời tháo gỡ ngay các khó khăn, vướng mắc.

Tổ Công tác Đề án 06 tỉnh thông báo và đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương nghiêm túc quán triệt, tổ chức triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:
- Văn phòng Tỉnh ủy (để báo cáo đ/c Bí thư, đ/c Phó Bí thư thường trực Tỉnh ủy);
- Văn phòng UBND tỉnh (để báo cáo đ/c Chủ tịch UBND tỉnh);
- Đ/c Tổ trưởng TCTĐA06 tỉnh (để báo cáo);
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể (thực hiện)
- UBND các xã, phường (thực hiện);
- Công an các xã, phường (thực hiện);
- Lưu: VT, TCTĐA06 (QLHC).

TM. TỔ CÔNG TÁC
TỔ PHÓ THƯỜNG TRỰC

PHÓ GIÁM ĐỐC CÔNG AN TỈNH
Đại tá Lê Anh Hưng

BIỂU TỔNG HỢP

Kết quả thực hiện Cao điểm thu nhận, kích hoạt ĐDĐT đến ngày 08/10/2026

(Kèm theo Công văn số 00/ TCTNA06 ngày 13 /10/2026)

TT	Đơn vị	Công dân thường trú, tạm trú từ 6 tuổi trở lên (*tính đến ngày 28.9.2026*)	Đã được Bộ Công an phê duyệt	Kết quả kích hoạt định danh điện tử			Đã được Bộ Công an phê duyệt nhưng chưa hướng dẫn công dân kích hoạt	Tỷ lệ thực hiện chỉ tiêu Đề án 06 *(đến 30/10/2026 toàn tỉnh phải kích hoạt 85% công dân từ đủ 6 tuổi trở lên)*	Công dân từ 6 tuổi trở lên chưa làm định danh điện tử mức độ 2
				Đến ngày 27/9/2026	Đến ngày 08/10/2026	Kết quả kích hoạt trong tuần			
1	Xã Tà Tổng	7240	3756	3472	3592	120	164	49,6%	3484
2	Xã Pa Ủ	5833	3707	3203	3426	223	281	58,7%	2126
3	Xã Si Lở Lầu	14916	10461	9669	9877	208	584	66,2%	4455
4	Xã Nậm Sỏ	9642	7308	6735	6871	136	437	71,3%	2334
5	Xã Dào San	14575	11256	10182	10531	349	725	72,3%	3319
6	Xã Bum Tở	10639	8049	7481	7720	239	329	72,6%	2590
7	Xã Nậm Hàng	9728	7449	7032	7085	53	364	72,8%	2279
8	Xã Lê Lợi	9726	7442	6830	7084	254	358	72,8%	2284
9	Xã Tủa Sín Chải	13047	10012	9081	9536	455	476	73,1%	3035
10	Xã Hồng Thu	12137	9421	8738	8941	203	480	73,7%	2716
11	Xã Bum Nưa	6519	5099	4773	4881	108	218	74,9%	1420
12	Xã Khoen On	10004	7932	7338	7501	163	431	75,0%	2072
13	Xã Pu Sam Cáp	10733	8499	7981	8151	170	348	75,9%	2234
14	Xã Mường Kim	18860	14932	14167	14331	164	601	76,0%	3928
15	Xã Nậm Cuổi	10191	8074	7614	7749	135	325	76,0%	2117
16	Xã Hua Bum	5208	4189	3958	3984	26	205	76,5%	1019
17	Xã Nậm Tăm	11722	9425	8799	8968	169	457	76,5%	2297
18	Xã Nậm Mạ	6041	4794	4487	4630	143	164	76,6%	1247
19	Xã Khổng Lào	15835	12755	12099	12188	89	567	77,0%	3080
20	Xã Bản Bo	8703	7003	6482	6708	226	295	77,1%	1700
21	Xã Pa Tần	8226	6742	6226	6341	115	401	77,1%	1484
22	Xã Mường Mô	6563	5253	4709	5079	370	174	77,4%	1310

23	Xã Tân Uyên	28175	22657	21639	21915	276	742	77,8%	5518
24	Xã Sìn Hồ	12782	10329	9947	10040	93	289	78,5%	2453
25	Xã Thu Lũm	5082	4162	3922	3992	70	170	78,6%	920
26	Xã Tà Lèng	11771	9748	8998	9292	294	456	78,9%	2023
27	Xã Mường Khoa	11722	9724	8935	9278	343	446	79,2%	1998
28	Xã Bình Lư	16804	14320	13388	13620	232	700	81,1%	2484
29	Xã Pắc Ta	9823	8505	7806	7989	183	516	81,3%	1318
30	Tân Phong	33411	28175	26838	27370	532	805	81,9%	5236
31	Xã Phong Thổ	21960	19111	18115	18214	99	897	82,9%	2849
32	Đoàn Kết	21431	18537	17218	17832	614	705	83,2%	2894
33	Xã Sin Suối Hồ	15193	13364	12584	12694	110	670	83,6%	1829
34	Mường Than	12960	11184	10600	10864	264	320	83,8%	1776
35	Xã Khun Há	8393	7257	7025	7116	91	141	84,8%	1136
36	Xã Than Uyên	25518	22255	21287	21708	421	547	85,1%	3263
37	Xã Mường Tè	5881	5138	4970	5019	49	119	85,3%	743
38	Xã Mù Cả	3003	2680	2604	2631	27	49	87,6%	323
Tổng		469997	380704	356932	364748	7816	15956	77,6%	89293

BIỂU TỔNG HỢP

Kết quả thực hiện Cao điểm tích hợp các loại giấy tờ lên VNeID đến ngày 08/10/2026

(kèm theo Công văn số 20 /TCTT-2106-CAT ngày 13/10/2026)

TT	Đơn vị	Tích hợp tài khoản ASXH trên VNeID				Kết quả tích hợp trong tuần	Chưa tích hợp
		Tổng số công dân đã thu nhận, kích hoạt ĐDĐT mức 2	Kết quả tích hợp ASXH đến hết 27/9/2026	Kết quả tích hợp ASXH đến hết 08/10/2026			
				Tổng số	Tỷ lệ %		
1	Xã Si Lở Lầu	7603	588	590	7.8%	2	**9181**
2	Xã Hồng Thu	6189	505	505	8.2%	0	**8342**
3	Xã Dào San	7653	659	661	8.6%	2	**9704**
4	Xã Pắc Ta	6066	529	532	8.8%	3	**7391**
5	Xã Tà Tổng	2631	232	233	8.9%	1	**3271**
6	Xã Khổng Lào	9276	850	851	9.2%	1	**11302**
7	Xã Mường Khoa	7157	688	688	9.6%	0	**8496**
8	Xã Pu Sam Cáp	6000	585	586	9.8%	1	**7519**
9	Xã Mường Mô	3659	367	368	10.1%	1	**4607**
10	Xã Hua Bum	3121	317	317	10.2%	0	**3661**
11	Xã Nậm Sỏ	5254	534	542	10.3%	8	**6247**
12	Xã Bản Bo	5066	557	558	11.0%	1	**6015**
13	Xã Sin Suối Hồ	9595	1077	1077	11.2%	0	**11587**
14	Xã Thu Lũm	3192	363	365	11.4%	2	**3586**
15	Xã Lê Lợi	5299	607	607	11.5%	0	**6292**
16	Xã Nậm Cuổi	5860	689	689	11.8%	0	**6997**
17	Xã Bum Nưa	3803	425	448	11.8%	23	**4392**

18	Xã Tả Lèng	7102	854	856	12.1%	2	**8318**
19	Xã Khoen On	5908	717	718	12.2%	1	**6700**
20	Xã Nậm Mạ	3583	434	437	12.2%	3	**4125**
21	Xã Tủa Sín Chải	6402	682	806	12.6%	124	**8548**
22	Xã Nậm Tăm	6967	880	880	12.6%	0	**8037**
23	Xã Pa Ủ	2155	282	282	13.1%	0	**3044**
24	Xã Mường Tè	3853	508	513	13.3%	5	**4485**
25	Xã Nậm Hàng	5448	770	793	14.6%	23	**6241**
26	Xã Pa Tần	4526	667	667	14.7%	0	**5589**
27	Xã Mù Cả	2063	319	319	15.5%	0	**2307**
28	Xã Tân Uyên	17131	2741	2745	16.0%	4	**19074**
29	Xã Khun Há	5524	998	1000	18.1%	2	**6055**
30	Xã Bum Tở	5868	1093	1102	18.8%	9	**6523**
31	Mường Than	8763	1693	1694	19.3%	1	**9062**
32	Xã Mường Kim	11544	2236	2236	19.4%	0	**12019**
33	Xã Sìn Hồ	7488	1476	1493	19.9%	17	**8535**
34	Xã Phong Thổ	14073	2842	2844	20.2%	2	**15338**
35	Xã Bình Lư	10765	2174	2181	20.3%	7	**11342**
36	Đoàn Kết	14294	2992	3007	21.0%	15	**14581**
37	Xã Than Uyên	17256	4149	4149	24.0%	0	**17523**
38	Tân Phong	22227	5482	5483	24.7%	1	**21568**
Tổng		**280364**	**43561**	**43822**	15.6%	261	**236542**

BIỂU TỔNG HỢP

Kết quả thực hiện Cao điểm tích hợp các loại giấy tờ lên VNeID đến ngày 08/10/2026

(kèm theo Công văn số 20 /PCTDĐĐK-CAT, ngày 13 /10/2026)

TT	Đơn vị	Tích hợp thẻ Bảo hiểm Y tế trên VNeID					
		Tổng số người tham gia BHYT	Kết quả tích hợp BHYT đến hết 27/9/2026	Kết quả tích hợp BHYT đến hết 08/10/2026		Kết quả tích hợp trong tuần	Chưa tích hợp
				Tổng số	Tỷ lệ %		
1	Xã Tủa Sín Chải	14727	1034	1392	9.5%	358	**13335**
2	Xã Tà Tổng	7142	673	678	9.5%	5	**6464**
3	Xã Pu Sam Cáp	11010	1079	1097	10.0%	18	**9913**
4	Xã Nậm Sỏ	10365	1049	1057	10.2%	8	**9308**
5	Xã Nậm Mạ	6043	603	618	10.2%	15	**5425**
6	Xã Pắc Ta	10200	1057	1063	10.4%	6	**9137**
7	Xã Mường Khoa	12178	1461	1465	12.0%	4	**10713**
8	Xã Hồng Thu	12409	1535	1547	12.5%	12	**10862**
9	Xã Dào San	15530	1974	1989	12.8%	15	**13541**
10	Xã Si Lở Lầu	15122	2136	2141	14.2%	5	**12981**
11	Xã Mường Mô	6776	975	1000	14.8%	25	**5776**
12	Xã Pa Ủ	5770	850	868	15.0%	18	**4902**
13	Xã Hua Bum	5354	882	883	16.5%	1	**4471**
14	Xã Lê Lợi	8670	1510	1520	17.5%	10	**7150**
15	Xã Khổng Lào	15759	2903	2947	18.7%	44	**12812**
16	Xã Nậm Hàng	9730	1875	2031	20.9%	156	**7699**

17	Xã Bản Bo	9084	1952	1957	21.5%	5	**7127**
18	Xã Bum Nưa	6716	1461	1471	21.9%	10	**5245**
19	Xã Sin Suối Hồ	15394	3370	3378	21.9%	8	**12016**
20	Xã Mường Tè	6000	1316	1325	22.1%	9	**4675**
21	Xã Tân Uyên	26035	6524	6543	25.1%	19	**19492**
22	Xã Khoen On	10435	2642	2644	25.3%	2	**7791**
23	Xã Khun Há	8976	2360	2372	26.4%	12	**6604**
24	Xã Tả Lèng	11812	3305	3318	28.1%	13	**8494**
25	Xã Bum Tở	10851	3347	3395	31.3%	48	**7456**
26	Xã Thu Lũm	5218	1630	1641	31.4%	11	**3577**
27	Xã Phong Thổ	22175	7323	7337	33.1%	14	**14838**
28	Xã Sìn Hồ	12498	4318	4365	34.9%	47	**8133**
29	Xã Nậm Tăm	11710	4208	4219	36.0%	11	**7491**
30	Xã Pa Tần	8491	3310	3328	39.2%	18	**5163**
31	Xã Nậm Cuổi	10292	4496	4537	44.1%	41	**5755**
32	Xã Mường Than	11823	5258	5275	44.6%	17	**6548**
33	Xã Mường Kim	18887	8561	8575	45.4%	14	**10312**
34	Phường Đoàn Kết	21380	9890	10050	47.0%	160	**11330**
35	Xã Bình Lư	15748	7792	7855	49.9%	63	**7893**
36	Phường Tân Phong	28846	15087	15418	53.4%	331	**13428**
37	Xã Mù Cả	2592	1405	1406	54.2%	1	**1186**
38	Xã Than Uyên	18464	11156	11189	60.6%	33	**7275**
Tổng		**460212**	**132307**	**133894**	**29.1%**	**1587**	**326318**

BIỂU TỔNG HỢP

Kết quả thực hiện Cao điểm tích hợp các loại giấy tờ lên VNeID đến ngày 08/10/2026

(kèm theo Công văn số 20 /TTPHCC-CA ngày 12 /10/2026)

TT	Đơn vị	Tích hợp Sổ Bảo hiểm xã hội trên VNeID				Kết quả tích hợp trong tuần	Chưa tích hợp
		Tổng số người tham gia BHXH	Kết quả tích hợp Sổ BHXH trên VNeID đến ngày 27/9/2026	Kết quả tích hợp Sổ BHXH trên VNeID đến ngày 08/10/2026			
				Tổng	Tỷ lệ %		
1	Xã Tà Tổng	308	107	110	35.7%	3	**198**
2	Xã Lê Lợi	797	399	411	51.6%	12	**386**
3	Xã Pa Ủ	373	190	203	54.4%	13	**170**
4	Phường Đoàn Kết	5858	3198	3222	55.0%	24	**2636**
5	Xã Nậm Hàng	1257	651	702	55.8%	51	**555**
6	Xã Khoen On	423	252	256	60.5%	4	**167**
7	Xã Bum Tở	1502	955	968	64.4%	13	**534**
8	Xã Bum Nưa	440	279	284	64.5%	5	**156**
9	Xã Khun Há	363	244	247	68.0%	3	**116**
10	Xã Sìn Hồ	1365	900	931	68.2%	31	**434**
11	Phường Tân Phong	8769	6068	6096	69.5%	28	**2673**
12	Xã Hua Bum	292	208	212	72.6%	4	**80**
13	Xã Thu Lũm	370	270	275	74.3%	5	**95**
14	Xã Mù Cả	204	158	162	79.4%	4	**42**
15	Xã Hồng Thu	405	322	322	79.5%	0	**83**
16	Xã Mường Mô	351	279	287	81.8%	8	**64**
17	Xã Mường Khoa	514	417	424	82.5%	7	**90**

18	Xã Sin Suối Hồ	593	482	493	83.1%	11	**100**
19	Xã Pa Tần	430	358	358	83.3%	0	**72**
20	Xã Khổng Lào	632	531	545	86.2%	14	**87**
21	Xã Bản Bo	358	303	309	86.3%	6	**49**
22	Xã Bình Lư	1795	1594	1606	89.5%	12	**189**
23	Xã Nậm Sỏ	335	310	310	92.5%	0	**25**
24	Xã Pắc Ta	412	388	395	95.9%	7	**17**
25	Xã Pu Sam Cáp	336	314	323	96.1%	9	**13**
26	Xã Tủa Sín Chải	432	371	418	96.8%	47	**14**
27	Xã Mường Tè	340	339	340	100.0%	HT	**HT**
28	Xã Si Lở Lầu	490	490	490	100.0%	HT	**HT**
29	Xã Dào San	490	490	490	100.0%	HT	**HT**
30	Xã Nậm Cuổi	321	321	321	100.0%	HT	**HT**
31	Xã Nậm Tăm	602	602	602	100.0%	HT	**HT**
32	Xã Nậm Mạ	242	242	242	100.0%	HT	**HT**
33	Xã Mường Than	554	554	554	100.0%	HT	**HT**
34	Xã Mường Kim	861	861	861	100.0%	HT	**HT**
35	Xã Phong Thổ	1712	1712	1712	100.0%	HT	**HT**
36	Xã Than Uyên	2332	2332	2332	100.0%	HT	**HT**
37	Xã Tân Uyên	2395	2395	2395	100.0%	HT	**HT**
38	Xã Tả Lèng	270	270	270	100.0%	HT	**HT**
Tổng		**39523**	**29505**	**27651**	**70.0%**	**321**	**9045**